

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (“**Công Ty**”);
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 08/5/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”) Công ty thông qua các Nghị quyết sau:

1. **NGHỊ QUYẾT 1:** ĐHĐCD thông qua Báo cáo Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.
2. **NGHỊ QUYẾT 2:** ĐHĐCD thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022.
3. **NGHỊ QUYẾT 3:** ĐHĐCD thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) năm 2022 và kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2023.
4. **NGHỊ QUYẾT 4:** ĐHĐCD thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (“**BKS**”) năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
5. **NGHỊ QUYẾT 5:** ĐHĐCD thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và dự toán thù lao HDQT, BKS năm 2023 theo Tờ trình ngày 07/4/2023 của HDQT Công Ty, cụ thể như sau:
 - 5.1 Thông qua thù lao HDQT, BKS năm 2022 là: 297.700.000 đồng đã bao gồm thuế TNCN (bao gồm 12 tháng thù lao và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán), tổng thù lao được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty, cụ thể:

+ Tổng thù lao Hội đồng quản trị:	162.500.000 đồng
+ Tổng thù lao Ban Kiểm soát:	135.200.000 đồng
 - 5.2 Kế hoạch thù lao cho thành viên HDQT, BKS Công Ty năm 2023 như sau:
 - * Hội đồng quản trị (03 thành viên):

+ Chủ tịch HDQT	4.500.000 đồng/tháng
+ Thành viên HDQT	4.000.000 đồng/người/tháng
 - * Ban Kiểm soát (03 thành viên):

+ Trưởng Ban Kiểm soát	4.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên BKS	3.200.000 đồng/người/tháng

Tổng dự toán mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2023: 297.700.000 đồng, đã bao gồm thuế TNCN (bao gồm 12 tháng thù lao và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán).

6. **NGHI QUYẾT 6:** ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo nội dung Tờ trình của HĐQT Công Ty ngày 07/4/2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính.
7. **NGHI QUYẾT 7:** ĐHĐCĐ thông qua việc không trích lập quỹ và không chia cổ tức cho cổ đông theo Tờ trình của HĐQT Công Ty ngày 07/4/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022.
8. **NGHI QUYẾT 8:** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền toàn bộ cho HĐQT và cho phép HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT khác xem xét, quyết định, tổ chức triển khai các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua và xem xét, quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ phát sinh phải giải quyết giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định. Các nội dung nghị quyết, ủy quyền theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 có hiệu lực kể từ ngày được thông qua và không giới hạn thời hạn hiệu lực cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thay thế.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng/ban/Chi nhánh/đơn vị trực thuộc Công Ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, HĐQT./

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



KHUC THỊ QUỲNH LÂM

Số: 24 /VF-TGD

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023**

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

1. Bối cảnh kinh tế:

- Kinh tế – xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.
- Nền kinh tế nước ta trong năm 2022 đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.
- Một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19.

2. Kết quả SXKD năm 2022 của Công ty:

– Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2022	Chênh lệch TH2022 - KH 2022	TH 2021	Chênh lệch TH 2022 - TH 2021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27,68	24,83	2.85	32,79	-5.11
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-11,23	-15,13	Giảm lỗ	-16,89	Giảm lỗ
Lợi nhuận kế toán sau thuế	-11,24	-15,13	Giảm lỗ	-16,90	Giảm lỗ



– **Kết quả kinh doanh theo loại hình dịch vụ:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nội dung	Doanh thu				Lợi nhuận gộp	
	Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022	Năm 2021
	Số tiền	Tỉ trọng	Số tiền	Tỉ trọng	Số tiền	Số tiền
HĐ vận tải biển	16,01	57,84	23,91	72,9%	-11,45	-22,43
HĐ giao nhận vận tải	6,87	24,82	3,70	11,3%	-0.13	-0.67
HĐ cho thuê bất động sản + khác	4,80	17,34	5,18	15,8%	3.14	2.62
Tổng cộng	27,68	100%	32,79	100%	-8.44	-20.48

+ **Vận tải biển :**

Năm 2022 hoạt động vận tải biển của Công ty hoàn toàn là cho thuê khô, vì vậy doanh thu đạt 16,01 tỷ đồng, bằng 66,9% so với năm 2021. Tỷ trọng doanh thu vận tải biển chiếm 56,98% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của toàn Công ty, trong khi năm 2021 tỷ trọng này đạt 72,9%. Do áp dụng hình thức cho thuê khô nên giá vốn giảm nhiều góp phần giảm thua lỗ của đội tàu so với những năm trước, cụ thể năm 2022 lỗ đội tàu là 11,45 tỷ đồng, giảm lỗ 10,98 tỷ đồng so với năm 2021 do vẫn có hoạt động tự khai thác.

+ **Dịch vụ giao nhận:**

Dịch vụ giao nhận năm 2022 có sự tăng trưởng rất tốt về doanh thu, cụ thể tăng 185,6% so với năm 2021, giảm lỗ 0,54 tỷ đồng so với cùng kỳ nhưng vẫn lỗ 0,13 tỷ đồng. Đây là một sự nỗ lực rất lớn của Ban TGD cùng phòng GNVT, tuy nhiên do mảng dịch vụ vẫn còn chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid.

+ **Hoạt động khai thác/cho thuê Bất động sản:**

Năm 2022, vẫn do ảnh hưởng của dịch Covid 19, giá thuê văn phòng trên thị trường giảm do nhiều công ty phải dừng hoạt động trả mặt bằng khiến diện tích trống để cho thuê tăng cao. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng cho thuê của Công ty xuống cấp, khó cạnh tranh với các bất động sản mới hiện nay. Tất cả các yếu tố này ảnh hưởng đến hoạt động khai thác/cho thuê bất động sản năm 2022 của Công ty. Một số khách hàng đã dừng thuê để cắt giảm chi phí và lượng khách hàng biến động nhiều, Công ty phải thường xuyên tìm kiếm khách hàng mới để tăng tỉ lệ lấp đầy, mặc dù công việc này Công ty đã ủy thác/ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị chuyên nghiệp về khai thác BĐS nhưng Công ty vẫn đồng thời tìm kiếm khách hàng dưới mọi hình thức: đăng báo, treo biển, thông qua CBNV giới thiệu....



3. Kết quả kinh doanh năm 2022 của các Công ty con

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tên công ty	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Cty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	10,20	10,45	2,83	4,01
Cty MTV Vietfracht Hải Phòng	34,49	32,28	0,21	0,78
Cty MTV Vietfracht Hồ Chí Minh	41,62	66,27	2,09	2,02

Hoạt động kinh doanh của các công ty con chủ yếu là cung cấp dịch vụ giao nhận và cho thuê kho bãi. Trong năm 2022, chỉ có Công ty Vietfracht Hải Phòng là tăng doanh thu so với năm 2021, nhưng lợi nhuận sau thuế lại lỗ, do chi phí đầu vào tăng cao. Công ty Vietfracht Hồ Chí Minh mặc dù doanh thu năm 2022 giảm rất nhiều, giảm tới 24,65 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn giữ được kết quả như năm 2021. Riêng Vietfracht Hưng Yên mặc dù doanh thu giảm nhẹ (0,25 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm rất nhiều (1,18 tỷ đồng) là do trong kỳ có trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

4. Kết quả cổ tức năm 2022 dự kiến được nhận trong năm 2023

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Công ty	Số tiền
1	Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam	22,18
2	Công ty Liên doanh TNHH Dimerco - Vietfracht	9,78
3	Công ty CP Unithai Logistics Việt Nam	0,64
4	Công ty TNHH Heung A Line Việt Nam	0,13
5	Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	2,67
6	Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình	0,83
	Tổng cộng	36,23

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023:

Một số chỉ tiêu chính của Kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)
Doanh thu HĐKD chính	26,41
Lợi nhuận trước chi phí cố định	16,04
Lợi nhuận trước thuế HĐKD chính	3,91
Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty	14,99

**T.M BAN ĐIỀU HÀNH
PHÓ TGD PHỤ TRÁCH**

hchb
Đào Nguyễn Đặng

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công Ty năm 2022:

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2022	So với TH 2021		So với KH 2022	
		TH 2021	%	KH 2022	%
D.Thu HĐKD chính	27,68	32,79	84,42%	24,83	111,48%
Chi phí HĐKD chính	44,17	61,43	71,90%	39,96	110,54%
Lợi nhuận HĐKD chính	-16,49	-28,64	142,42%	-15,13	91,01%
Lợi nhuận tài chính + Lợi nhuận khác	5,26	11,74	44,80%	3,30	159,39%
Lợi nhuận trước thuế	-11,23	-16,90	133,55%	-11,83	105,07%

Mặc dù Tổng doanh thu HĐKD chính năm 2022 giảm 5,11 tỷ đồng do trong năm Công ty hoàn toàn chuyển hình thức khai thác đội tàu sang hình thức cho thuê mua, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế lại giảm lỗ, cụ thể giảm lỗ 5,67 tỷ đồng so với năm 2021.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất của Công Ty năm 2022:

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2022	So với TH 2021		So với KH 2022	
		TH 2021	%	KH 2022	%
Tổng Doanh thu HĐKD chính	111,87	139,67	80,1%	129,92	86,11%
Tổng Chi phí HĐKD chính	123,80	161,05	76,87%	137,05	90,33%
Lợi nhuận HĐKD chính	-11,93	-21,38	144,2%	-7,13	-67,32%
Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	48,86	23,08	211,7%		
Lợi nhuận tài chính + Lợi nhuận khác	-2,77	9,97	-127,78%		
Lợi nhuận trước thuế	34,16	11,67	292,72%		



8

- Doanh thu hợp nhất năm 2022 giảm so với năm 2021, tuy nhiên lợi nhuận hợp nhất lại rất tốt, lãi 34,16 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lợi nhuận các Công ty con và hoạt động liên doanh liên kết.

3. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022:

- ĐHĐCĐ năm 2022 đã thông qua cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty hiện nay gồm có 03 thành viên như sau:
 - + Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm – Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Nguyễn Năng Tuyên – Thành viên HĐQT
 - + Ông Phạm Thanh Hải – Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/04/2021)
- Về thù lao của HĐQT: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua mức thù lao thành viên HĐQT Công ty. Mức thù lao của các thành viên HĐQT trong năm 2022 được chi trả như sau:
 - + Chủ tịch HĐQT: 4.500.000 đồng/tháng
 - + Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được tiến hành đúng thủ tục. Việc thảo luận, biểu quyết được thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.
- Năm 2022, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.
- Tại các phiên họp, Chủ tịch HĐQT là người chủ trì, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HĐQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành và các cán bộ chủ chốt trong Công Ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên với các nội dung chính như sau:
 - + Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về KQ HĐSXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023
 - + Thông qua BCTC riêng và BCTC đã Hợp nhất năm 2022
 - + Thông qua Báo cáo quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023
 - + Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2022 và kế hoạch hoạt động 2023
 - + Thông qua thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023.
 - + Thông qua Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023.

- + Thông qua việc trích lập quỹ và không chia cổ tức cho cổ đông.
- + ĐHCĐ ủy quyền toàn bộ cho HĐQT và cho phép HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT khác xem xét, quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ phát sinh phải giải quyết giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên; thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định.
- HĐQT đã triệu tập và tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2022. Lựa chọn được đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 trên cơ sở ủy quyền của ĐHCĐ thường niên năm 2022, ngoài ra HĐQT cũng đã giải quyết một số nội dung khác thuộc thẩm quyền.
- Năm 2022, HĐQT đã bám sát các hoạt động của Công ty, kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định đáp ứng các yêu cầu duy trì ổn định và phát triển Công ty. HĐQT đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật Nhà nước và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Về sự phối hợp giữa HĐQT với Ban kiểm soát và Ban Điều hành Công Ty thực hiện theo đúng thẩm quyền tại Điều lệ Công Ty và đạt hiệu quả. Trong năm 2022, các cuộc họp HĐQT đều mời Ban Kiểm soát tham dự và Ban kiểm soát có quyền nêu các ý kiến trực tiếp tới các vấn đề có liên quan. HĐQT luôn tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm soát tại Công Ty. Các cuộc họp quan trọng có mời tham gia của Ban Điều hành để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các định hướng kinh doanh, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo của HĐQT và công tác kiểm tra, giám sát Ban Điều hành, cũng hỗ trợ tích cực Ban Điều hành trong công tác quản lý điều hành, cùng nỗ lực hoàn thành mục tiêu chung của Công Ty.
- HĐQT cũng đã đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Điều hành để Ban Điều hành chủ động đưa ra các quyết sách trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty trên cơ sở định hướng của HĐQT, đảm bảo tuân thủ các quy định của Công Ty và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật.

4. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác:

- Năm 2022, hoạt động kinh doanh vận tải biển đã chuyển 100% sang cho thuê khô, do đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, giảm lỗ 10,98 tỷ đồng so với năm 2021.
- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ tiết kiệm chi phí, văn phòng Hà Nội ngoài việc tham gia điều hành SXKD khối văn phòng, thì còn phải tích cực rà soát, hỗ trợ và thúc đẩy kết quả kinh doanh các Công ty con tại Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hà Nội và Hưng Yên.
- Với lợi thế các mặt bằng hiện có thuận lợi, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tích cực khai thác lợi thế của Công Ty, mang lại lợi ích tối đa và doanh thu cho hoạt động kinh doanh bất động sản của Công Ty.

- Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của Công Ty và các cổ đông. Hoạt động của HĐQT Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật đối với tình hình hiện tại, tuân thủ điều lệ của Công Ty.

5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- Năm 2022, HĐQT thực hiện nghiêm túc việc chỉ đạo, giám sát đồng thời song hành trong các hoạt động của Ban Điều hành. Đối với các cuộc họp liên quan đến hoạch định chính sách, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, HĐQT sẽ cử đại diện tham dự các cuộc họp với Ban Điều hành, các cán bộ quản lý nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty.
- Ban Điều hành thực hiện chức năng điều hành hoạt động của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông. Tổng giám đốc phải thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình kinh doanh của Công Ty và các phương án hoạt động của Công Ty
- Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận. Công ty luôn nâng cao công tác quản lý tài chính, bảo toàn phát triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước, từng bước khắc phục khó khăn, giảm lỗ và đưa Công ty ngày càng phát triển.

6. Báo cáo về các giao dịch với Người liên quan

- Trong năm 2022 vừa qua, Công ty không phát sinh các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do mình nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

II. ĐỊNH HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Định hướng cơ bản năm 2023:

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, khả năng tài chính Công ty eo hẹp, Ban điều hành Công ty cần đặt ra Mục tiêu để phấn đấu trong năm 2023 như sau:

- Cố gắng duy trì ổn định các dịch vụ, mọi hoạt động SXKD của Công ty, phần đầu giảm lỗ trong kinh doanh, đặc biệt lưu ý đến thời hạn thuê mua của đội tàu, có các biện pháp tăng lợi ích của Công ty;
- Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác marketing tìm kiếm thêm khách hàng, đặc biệt là hoạt động giao nhận vận tải;
- Với thế mạnh của Vietfracht là logistic, đặc biệt là thị trường kho hiện nay đang rất nóng và hiệu quả, do đó ban điều hành cần khẩn trương tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác kinh doanh hoặc đầu tư hệ thống kho thông minh.
- Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm giảm bớt các khó khăn về tài chính và dòng tiền cho hoạt động SXKD;
- Đảm bảo việc làm và đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

- a. Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)
Doanh thu HĐKD chính	26,41
Lợi nhuận trước chi phí cố định	16,04
Lợi nhuận trước thuế HĐKD chính	3,91
Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty	14,99

b. Các kế hoạch triển khai trong năm 2023:

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đưa ra phương hướng - kế hoạch công tác năm 2023 như sau:

- Thực hiện tốt quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp đã được ban hành, tích cực giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc trong việc theo dõi, chỉ đạo và giải quyết các công việc của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ;
- Chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc để triển khai hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua;
- Chỉ đạo sát sao và giải quyết nhanh mọi vướng mắc, phát sinh trong hoạt động SXKD và đầu tư đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch, mục tiêu đề ra;
- Tăng cường quan hệ với cổ đông thông qua việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho cổ đông.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022, phương hướng - kế hoạch công tác năm 2023 của HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua. HĐQT trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, tin tưởng, hỗ trợ tích cực của các cổ đông đối với Công ty cổ nói chung, HĐQT nói riêng trong suốt năm 2022 nói riêng.

Kính chúc các quý cổ đông mạnh khỏe và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thành công tốt đẹp.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính thưa toàn thể quý cổ đông!

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu;
- Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu;
- Các Quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát (BKS) chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của BKS năm 2022

Trong năm, các thành viên BKS đã phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty trong các lĩnh vực chính cụ thể là:

- Thực hiện rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo chương trình làm việc của BKS;
- Thực hiện thẩm định báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp để Công ty chỉnh sửa kịp thời đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy trình, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý;
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước.

Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

II. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	31/12/2022	01/01/2022	Chênh lệch	31/12/2022	01/01/2022	Chênh lệch
A. Tổng tài sản	225,08	250,64	(25,57)	342,35	324,10	18,25
Tài sản ngắn hạn	33,70	42,74	(9,04)	109,49	112,24	(2,75)
Tài sản dài hạn	191,37	207,90	(16,53)	232,86	211,86	20,99
B. Tổng nguồn vốn	225,08	250,64	(25,57)	342,35	324,10	18,25
Nợ phải trả	115,80	130,13	(14,33)	129,71	143,56	(13,84)
Vốn chủ sở hữu	109,27	120,51	(11,24)	212,64	180,55	32,09

Theo Báo cáo tài chính riêng, tổng tài sản/ tổng nguồn vốn vào thời điểm cuối năm giảm 25,57 tỷ so với đầu năm. Tài sản giảm nhiều do khấu hao 2 tàu và phân bổ chi phí lên đà tàu Blue Lotus và Nguồn vốn giảm do lỗ sau thuế từ hoạt động kinh doanh năm 2022.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, tổng tài sản/ tổng nguồn vốn vào thời điểm cuối năm tăng 18,25 tỷ so với đầu năm chủ yếu do phần lãi trong các công ty liên doanh liên kết năm 2022 tăng so với năm 2021 là 25,8 tỷ.

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản) của Công ty (bao gồm cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) đều ở mức cao và an toàn.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	Tổng doanh thu	41,56	48,88	(7,32)
2	Lợi nhuận trước thuế	(11,23)	(16,90)	5,66
3	Lợi nhuận sau thuế	(11,24)	(16,90)	5,66

Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2022 giảm so với năm 2021 chủ yếu do chuyển đổi phương thức từ tự vận hành 2 tàu sang cho thuê khô khiến doanh thu vận tải biển (doanh thu chính của Công ty) giảm 7 tỷ.

Kết quả kinh doanh năm 2022 giảm lỗ so với năm 2021 chủ yếu do giá vốn cung cấp dịch vụ hoạt động vận tải biển giảm mạnh 18,9 tỷ sau khi các chi phí sửa chữa lớn, lên đà tàu Blue Lotus phát sinh T8/2019 đã phân bổ hết vào T1/2022 (số tiền phân bổ 687 triệu/tháng).

2.2. Kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	Tổng doanh thu	118,43	154,19	(35,75)
2	Lợi nhuận trước thuế	34,16	11,67	22,49
3	Lợi nhuận sau thuế	32,59	10,04	22,55

Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2022 giảm so với năm 2021 chủ yếu do thị trường chưa hồi phục hoàn toàn sau dịch Covid khiến các loại hình kinh doanh chính như đại lý tàu và giao nhận vận tải của Công ty đều sụt giảm doanh thu.

Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2022 tăng lãi so với năm 2021 do phần lãi trong các công ty liên doanh liên kết năm 2022 tăng so với năm 2021 là 25,8 tỷ.

2.3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty và sổ sách kế toán:

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty dựa trên báo cáo do Công ty lập và báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được đơn vị kiểm toán phát hành với ý kiến chấp nhận toàn phần: Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và

hợp lý dựa trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được lập tại Việt Nam.
Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

3. Tình hình tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Pháp luật của Nhà nước

Trong năm 2022, BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật. Công ty thực hiện chấp hành đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

4. Đánh giá công tác quản lý, điều hành đối với HĐQT và Ban giám đốc

- HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật;
- HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Ban Giám đốc thực hiện thi hành nghiêm túc các nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT, định hướng của Đại hội đồng cổ đông;
- Các nghị quyết của HĐQT ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật;
- Sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý: Trong năm 2022, BKS đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Ban điều hành, các cán bộ quản lý trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát cũng như cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu.

5. Kiến nghị

- Công ty cần nỗ lực hơn nữa trong công tác hoạt động kinh doanh để đem lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nỗ lực tái cơ cấu Công ty theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất trong những năm qua nhằm đưa công ty vượt qua khó khăn, tích cực tìm kiếm thêm các nguồn khách hàng mới để thay thế cho khách hàng cũ đã mất và mở rộng hoạt động kinh doanh;
- Công ty tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định để đảm bảo hiệu quả hơn trong quản lý và hoạt động sản xuất. Các quy trình, quy định này sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống điều hành, kiểm soát và nâng cao hoạt động cho Công ty.

6. Kết luận

Trên đây là toàn bộ báo cáo của BKS về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trong năm 2022, cũng như công tác hoạt động giám sát của BKS.



✓

BKS xin cảm ơn HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban chuyên môn nghiệp vụ đã tạo điều kiện cho BKS hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Xin trân trọng báo cáo tới các Quý cổ đông!

Thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, lời chào hạnh phúc và thịnh vượng!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

T/M BKS

Trưởng ban



Nguyễn Thanh Tuyên



CÔNG TY CP VẬN TẢI
VÀ THUÊ TÀU

Số:/2023/ TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2023

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

- ✓ Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và thuê tàu (“Công Ty”);
- ✓ Căn cứ Nghị quyết của HĐQT số/2022/NQ-HĐQT ngày/...../2022 v/v kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2023;
- ✓ Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022,

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công Ty năm 2023 thông qua quyết toán thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2022 và dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2023 như sau :

1. Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2022 là: 297.700.000 đồng đã bao gồm thuế TNCN (bao gồm 12 tháng thù lao và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán), tổng thù lao được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty, cụ thể:

- + Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2022: 162.500.000 đồng
- + Tổng thù lao Ban Kiểm soát năm 2022: 135.200.000 đồng

2. Kế hoạch thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công Ty năm 2023 như sau:

a. Hội đồng quản trị (03 thành viên):

- + Chủ tịch HĐQT 4.500.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT 4.000.000 đồng/người/tháng

b. Ban Kiểm soát (03 thành viên):

- + Trưởng Ban Kiểm soát 4.000.000 đồng /tháng
- + Thành viên BKS 3.200.000 đồng/người/tháng

Tổng dự toán mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2023: 297.700.000 đồng, đã bao gồm thuế TNCN (bao gồm 12 tháng thù lao và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- CBTT;
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.



Khúc Thị Quỳnh Lâm

Số: 05/2023/TTr-BKS

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết của HĐQT số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 12/03/2023 v/v thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Để đảm bảo tính khách quan, toàn diện trong công tác kiểm toán đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty và nhằm minh bạch cũng như đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công Ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

+ Căn cứ vào danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo danh mục của Bộ tài chính có các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công Ty để lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty.

+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát Công Ty và theo tiêu chí danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- CBTT;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT.



CÔNG TY CP VẬN TẢI
VÀ THUÊ TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:2023/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- ✓ Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và thuê tàu ("Công Ty")
- ✓ Căn cứ Nghị quyết của HĐQT số /2023/NQ-HĐQT ngày /03/2023 v/v thông qua kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- ✓ Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng 2022 đã được kiểm toán;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh riêng của Công Ty tại thời điểm 31/12/2022, chi tiết như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 là: **(11.236.487.523) đồng**;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối đến 31/12/2022 là: **(77.152.562.177) đồng**;

Do kết quả sản xuất kinh doanh của Công Ty lỗ nên không còn lợi nhuận để trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông. Vì vậy, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không trích lập quỹ và không chia cổ tức cho cổ đông năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- CBTT;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.701.637.220	42.739.520.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.734.836.353	18.787.015.696
1. Tiền	111		6.734.836.353	7.787.015.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.233.756.804	23.252.322.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.438.512.069	4.483.451.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.256.509.929	2.272.096.983
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	8.000.000.000	7.700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	8.242.030.217	9.500.069.696
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(703.295.411)	(703.295.411)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		733.044.063	700.182.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.814.672	18.251.004
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.043.409
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	731.229.391	679.887.691
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.373.850.772	207.903.620.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.904.060.520	20.404.060.520
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	4.500.000.000	20.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	404.060.520	404.060.520
II. Tài sản cố định	220		21.829.503.844	49.207.257.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	14.496.075.830	41.852.159.889
- Nguyên giá	222		367.166.159.649	369.418.829.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.670.083.819)	(327.566.669.321)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	7.333.428.014	7.355.097.914
- Nguyên giá	228		7.511.097.914	7.511.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.669.900)	(156.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	159.750.000.000	132.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.300.000.000	82.300.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		77.450.000.000	49.950.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.890.286.408	6.042.301.984
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.890.286.408	6.038.623.967
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	3.678.017
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		225.075.487.992	250.643.140.591

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		115.803.788.996	130.134.954.072
I. Nợ ngắn hạn	310		100.324.122.006	114.632.877.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.663.069.928	1.740.530.482
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.809.133	39.034.399
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.006.594.611	5.892.242.250
4. Phải trả người lao động	314		796.859.756	915.418.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	33.042.579.620	28.739.336.392
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		179.975.309	144.253.474
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	3.622.557.520	7.594.759.381
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	54.734.817.337	68.916.238.906
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.858.792	651.063.791
II. Nợ dài hạn	330		15.479.666.990	15.502.076.255
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	15.479.666.990	15.502.076.255
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.271.698.996	120.508.186.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	109.271.698.996	120.508.186.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(77.152.562.177)	(65.916.074.654)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(65.916.074.654)	(49.015.008.879)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.236.487.523)	(16.901.065.775)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		225.075.487.992	250.643.140.591

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B02 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.099.035.520	32.790.791.993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		424.019.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	27.675.016.020	32.790.791.993
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.117.585.280	53.278.721.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.442.569.260)	(20.487.929.386)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.727.073.070	15.761.388.978
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.642.350.700	4.180.669.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.326.031.170	3.976.849.781
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.050.076.825	8.151.759.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.407.923.715)	(17.058.969.860)
11. Thu nhập khác	31	6.6	156.128.884	330.153.290
12. Chi phí khác	32	6.7	1.981.014.675	166.732.181
13. Lợi nhuận khác	40		(1.824.885.791)	163.421.109
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.8	(11.232.809.506)	(16.895.548.751)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	3.678.017	5.517.024
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.236.487.523)	(16.901.065.775)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

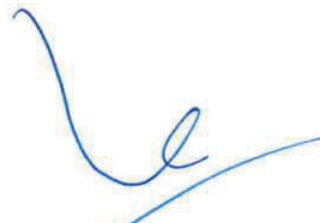
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Mẫu số B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(11.232.809.506)	(16.895.548.751)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		26.861.601.632	29.493.322.031
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.315.308.751	(1.646.869.686)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.625.930.131)	(14.073.455.573)
Chi phí lãi vay	06		3.326.031.170	3.976.849.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		8.644.201.916	854.297.802
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		536.408.530	2.944.631.175
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(49.298.291)	2.572.396.749
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.048.482.117)	5.470.352.813
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.164.773.891	10.046.526.180
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(415.204.999)	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.832.398.930	21.882.204.719
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(142.526.803)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		559.877.262	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(17.500.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(27.500.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		15.463.041.324	12.452.962.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.419.608.217)	(7.547.037.574)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.613.800.000)	(16.102.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.613.800.000)	(16.102.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.201.009.287)	(1.767.632.855)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.787.015.696	20.554.648.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		148.829.944	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	6.734.836.353	18.787.015.696

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01 - HN/DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.493.764.531	112.240.494.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	48.170.157.329	51.493.321.615
1. Tiền	111		24.670.157.329	17.493.321.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	34.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	10.500.000.000	4.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.500.000.000	4.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.579.222.373	55.359.898.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.348.698.852	12.228.162.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.339.558.571	3.109.600.131
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	17.500.000.000	17.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	21.122.260.361	23.553.431.375
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(731.295.411)	(731.295.411)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	142.968.722	90.542.122
1. Hàng tồn kho	141		142.968.722	90.542.122
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.101.416.107	796.732.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	72.194.228	94.676.877
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.002.682	3.973.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	997.219.197	698.082.159
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232.858.871.951	211.864.336.253
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.921.060.520	20.421.060.520
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	4.500.000.000	20.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	421.060.520	421.060.520
II. Tài sản cố định	220		40.484.922.941	70.045.328.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	33.151.494.927	62.690.231.064
- Nguyên giá	222		423.732.412.298	423.753.507.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(390.580.917.371)	(361.063.276.431)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.333.428.014	7.355.097.914
- Nguyên giá	228		7.561.097.914	7.561.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.669.900)	(206.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		198.500.000	198.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	198.500.000	198.500.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	172.741.813.049	105.446.888.642
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		85.866.813.049	46.071.888.642
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		83.075.000.000	55.575.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.800.000.000	3.800.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14.512.575.441	15.752.558.113
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	12.495.572.202	13.705.380.860
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.017.003.239	2.047.177.253
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		342.352.636.482	324.104.830.951

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B01 - HN/DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		129.714.275.782	143.559.227.412
I. Nợ ngắn hạn	310		113.915.019.290	127.745.022.973
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	6.046.880.041	6.976.766.241
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	88.160.288	58.582.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.114.589.928	6.670.413.429
4. Phải trả người lao động	314		2.174.907.942	2.401.958.942
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	33.187.484.379	28.957.273.538
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		199.066.216	163.344.386
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	10.034.464.772	12.765.641.191
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	54.734.817.337	68.916.238.906
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		334.648.387	834.803.386
II. Nợ dài hạn	330		15.799.256.492	15.814.204.439
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	302.793.184	312.128.184
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	15.479.666.990	15.502.076.255
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		16.796.318	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.638.360.700	180.545.603.539
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	212.638.360.700	180.545.603.539
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.779.900.263	36.779.900.263
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.343.495.899	(11.808.989.935)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.083.464.684)	(21.617.643.189)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.426.960.583	9.808.653.254
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.104.535.290	2.164.263.963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		342.352.636.482	324.104.830.951

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B02 - HN/DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		111.869.090.429	139.666.705.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	111.869.090.429	139.666.705.368
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	109.817.474.411	147.324.406.829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.051.616.018	(7.657.701.461)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.174.357.555	14.224.199.769
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.655.771.871	4.241.956.831
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.326.031.170	3.976.849.781
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		48.857.237.825	23.076.447.225
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.981.322.287	13.723.332.016
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.446.117.240	11.677.656.686
12. Thu nhập khác	31	6.6	387.724.627	294.994.542
13. Chi phí khác	32	6.7	2.677.497.706	303.084.504
14. Lợi nhuận khác	40		(2.289.773.079)	(8.089.962)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.156.344.161	11.669.566.724
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.521.931.647	1.465.684.078
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	46.970.332	168.273.021
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.587.442.182	10.035.609.625
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.426.960.583	9.808.653.254
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		160.481.599	226.956.371
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	2.162	654
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	2.162	654

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Mẫu số B03 - HN/DN***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		34.156.344.161	11.669.566.724
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		29.674.599.494	31.920.370.993
Các khoản dự phòng	03		-	28.000.000
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.137.602.350	(1.609.491.020)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.840.170.223)	(35.568.465.948)
Chi phí lãi vay	06		3.326.031.170	3.976.849.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		24.454.406.952	10.416.830.530
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		4.328.692.825	159.527.199
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(379.592.729)	2.512.949.366
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11		(4.338.694.893)	2.771.841.817
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.232.291.307	10.056.105.746
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.019.882.992)	(1.854.557.446)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(504.776.384)	(157.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.772.444.086	23.905.247.212
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(142.526.803)	(40.000.000)
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		164.545.455	-
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(18.500.000.000)	(34.600.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.700.000.000	11.300.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(27.500.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.647.343.032	12.492.018.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.630.638.316)	(10.847.981.277)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.613.800.000)	(16.102.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.613.800.000)	(16.102.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.471.994.230)	(3.045.534.065)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	51.493.321.615	54.576.234.346
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			148.829.944	(37.378.666)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	48.170.157.329	51.493.321.615

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC





Đào Nguyên Đặng

Nguyễn Thị Phương

Vũ Thị Lan